



1

MỤC LỤC	
I.	Giới thiệu chung
II.	Bức tranh về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam
III.	Môi trường kinh doanh dưới góc nhìn doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam
IV.	COVID-19: tác động, ứng phó của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ, các biện pháp hỗ trợ
V.	Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
VI.	Khuyến nghị và kết luận

2



3

A slide with a white background and a purple border. At the top, there is a decorative banner with colorful, wavy, abstract patterns. Below the banner, the title "1. Giới thiệu về nghiên cứu" is written in purple. On the right side, there are several purple virus-like icons. On the left side, there is a purple circle icon. The content is organized into a section titled "Bối cảnh" (Context) and a list of bullet points.

1. Giới thiệu về nghiên cứu

Bối cảnh

-  COVID-19 làm nền kinh tế toàn cầu lâm vào khủng hoảng trầm trọng
-  Thiệt hại kinh tế do COVID-19 gây ra cho nền kinh tế Việt Nam trong 2 năm 2020 và 2021 ước tính lên tới 847.000 tỷ đồng, tương đương 37 tỷ đô la Mỹ
-  Đa số DNN hoạt động trong các lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề nhất từ đại dịch và suy giảm sâu: du lịch lữ hành, dịch vụ lưu trú, ăn uống, bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng...
 - Việt Nam có nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh và phục hồi kinh tế, tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện một số chính sách hiệu quả chưa cao
 - Môi trường kinh doanh vẫn còn những cản trở

4



1. Giới thiệu về nghiên cứu



Bối cảnh

- 

Tiến độ thu hẹp khoảng cách giới đã bị đình trệ ở hầu hết các nước. COVID-19 tạo ra nhiều trách nhiệm mới như chăm sóc con cái, học tập tại nhà, dẫn đến những ảnh hưởng không tương xứng đến phụ nữ
- 
 - Thúc đẩy trao quyền kinh tế cho phụ nữ: Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới của Việt Nam: mục tiêu trong lĩnh vực kinh tế, lao động (i) 2011-2020: Chỉ tiêu 2: Tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 30% vào năm 2015 và từ 35% trở lên vào năm 2020: chưa đạt được. (ii) 2021-2030: Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã đạt ít nhất 27% vào năm 2025 và 30% vào năm 2030



5



2. Mục tiêu



Tìm hiểu các đặc điểm chung của DNN tại Việt Nam và nhận diện tổng quan về môi trường kinh doanh ở địa phương



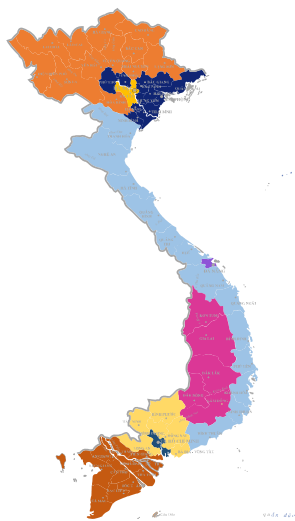
Nhận diện tác động của dịch COVID-19 đối với các DNN, khả năng ứng phó và đánh giá của doanh nghiệp về các chính sách hỗ trợ của Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp



Đưa ra một số khuyến nghị để cải thiện những vướng mắc trong môi trường kinh doanh và hỗ trợ/đồng hành cùng DNN khắc phục khó khăn, hồi phục và phát triển

6

3. Phương pháp



- Phân tích số liệu điều tra/khảo sát

- Kết quả khảo sát trên **10.000 doanh nghiệp dân doanh** trên 63 tỉnh, thành phố của Dự án Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI, VCCI-USAID) – cuộc điều tra thường niên từ 2005, với 10 chỉ số thành phần.
- Khảo sát về tác động của COVID-19 trong PCI 2020 (phối hợp với World Bank) và PCI 2021 (USAID)

- Tổng hợp thông tin từ nguồn khác:

- Số liệu cung cấp bởi Cục quản lý đăng ký kinh doanh trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Thông tin từ các báo cáo khác của VCCI-Aus4Reform
- Các số liệu thống kê, báo cáo, nghiên cứu khác

7

4. Phạm vi nghiên cứu

- Nội dung điều tra PCI có phân tách về giới của chủ doanh nghiệp
- Không so sánh đánh giá theo giới của chủ doanh nghiệp ở tất cả những vấn đề đặt ra, chỉ đưa ra số liệu so sánh nam/nữ để so sánh ở một số vấn đề lớn
- Tập trung phân tích những khó khăn, cản trở đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ để từ đó có biện pháp khắc phục và thúc đẩy cộng đồng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển



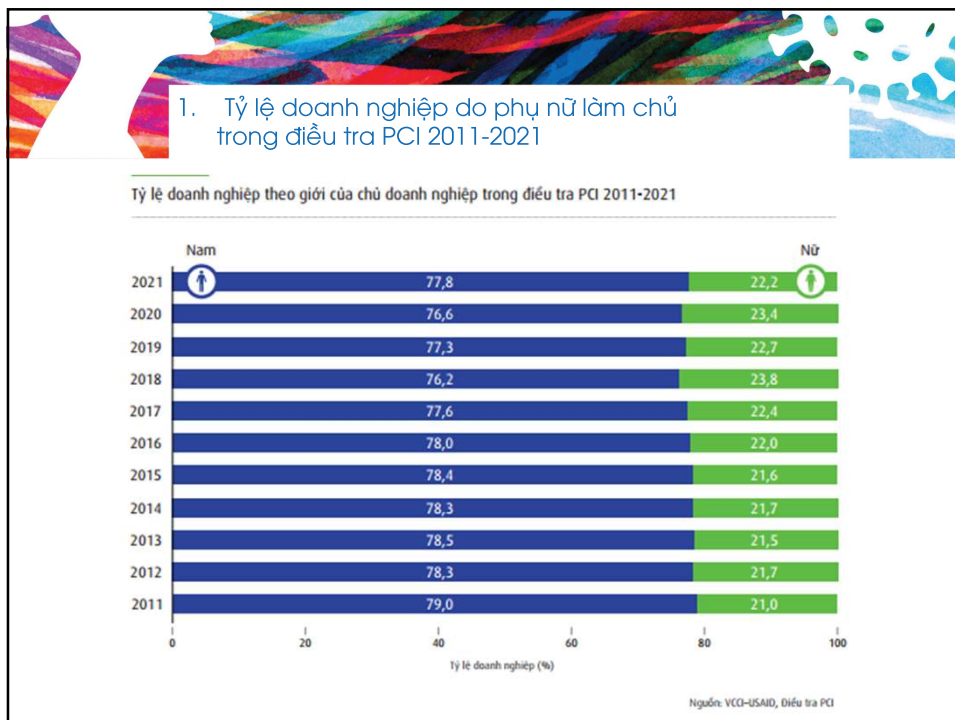
8



02.

BỨC TRANH VỀ DOANH NGHIỆP DO PHỤ NỮ LÀM CHỦ TẠI VIỆT NAM

9



10

263.444 doanh nghiệp nữ làm chủ

trong tổng số

883.000 doanh nghiệp đang hoạt động

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ ở các loại hình doanh nghiệp tính đến hết tháng 9 năm 2022

STT	Loại hình	Số lượng	Tỷ lệ
1	Công ty cổ phần	36.647	15,75%
2	Công ty hợp danh	12	0,005%
3	Công ty TNHH hai thành viên trở lên	75.632	28,71%
4	Công ty TNHH một thành viên	135.331	51,37%
5	Doanh nghiệp tư nhân	9.451	3,59%
Tổng		263.444	100%

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư

11

Biểu đồ phân bổ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong các ngành kinh tế

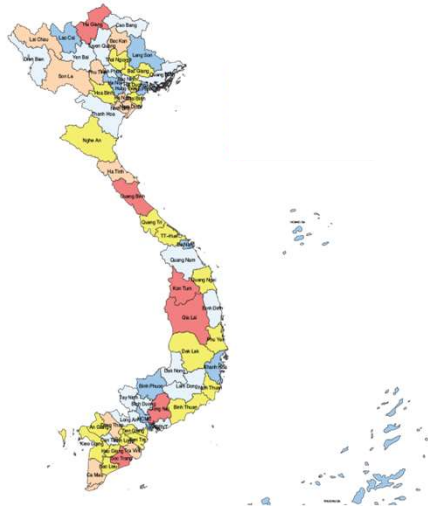
STT	Ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	3.146	1,19%
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	13.548	5,14%
3	Tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.472	0,94%
4	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, xe máy	105.153	39,91%
5	Kinh doanh bất động sản	10.204	3,87%
6	Vận tải kho bãi	13.428	5,10%
7	Xây dựng	21.416	8,13%
8	Thông tin và truyền thông	5.289	2,01%
9	Khoa học, công nghệ; dịch vụ tư vấn, thiết kế; quảng cáo và chuyên môn khác	18.691	7,09%
10	Hoạt động dịch vụ khác	3.361	1,28%
11	Giáo dục và đào tạo	9.615	3,65%
12	Khai khoáng	1.131	0,43%
13	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.971	0,75%
14	Công nghiệp chế biến, chế tạo	35.131	13,34%
15	Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	2.902	1,10%
16	Dịch vụ việc làm; du lịch; cho thuê máy móc thiết bị, đồ dùng và các dịch vụ hỗ trợ khác	14.322	5,44%
17	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	1.664	0,63%

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Đầu tư



12

Phân bố doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ tại Việt Nam

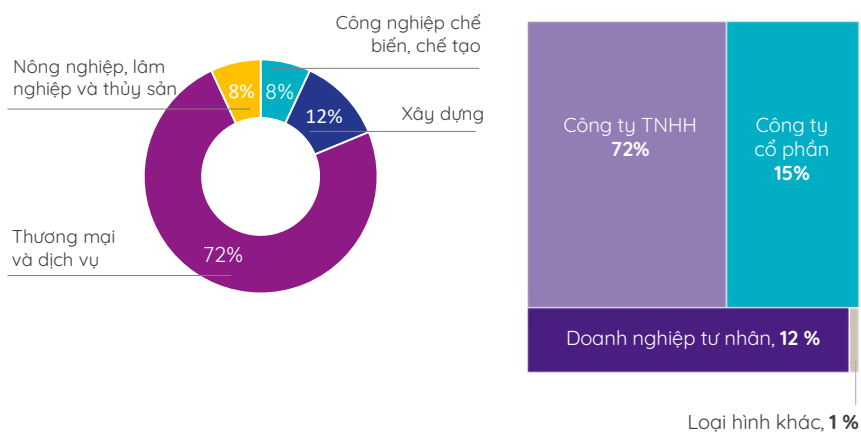


Top 10 tỉnh/thành phố có tỷ lệ doanh nghiệp nữ làm chủ **cao nhất**

Tỉnh/Thành phố	Tỷ lệ (%)
Lâm Đồng	32.7
Tp. Hồ Chí Minh	32.5
Bình Dương	32.0
Tây Ninh	31.8
Kiên Giang	31.8
Tiền Giang	31.4
Bến Tre	31.2
Trà Vinh	30.9
An Giang	30.8
Long An	30.6

13

2. Đặc điểm của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trả lời khảo sát



14

Áp lực riêng của phụ nữ: Định kiến xã hội

“Phụ nữ thì giỏi việc nhà thôi
chứ công việc kinh doanh,
quản lý và điều hành thì biết
gì mà làm, mà có làm thì
cũng chắc gì đã hay”

“Phụ nữ có làm lãnh
đạo thì làm cấp phó
thôi. Người đứng đầu
cần là đàn ông”

“Phụ nữ không chuyên
tâm lo cho công việc bằng
nam giới được, phụ nữ cần
tập trung chăm lo gia đình
con cái thì hơn”

“Phụ nữ kinh doanh hay
ngại rủi ro, không dám
làm, không dám quyết
như nam giới được”

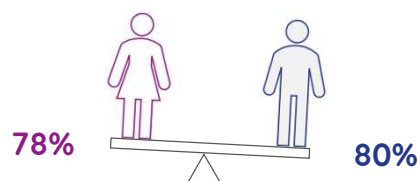


15

Chủ doanh nghiệp có trình độ học vấn cao và xuất thân đa dạng



Có tới **78%** nữ chủ doanh nghiệp có trình độ đại học và thạc sĩ
quản trị kinh doanh, không khác nhiều so với tỷ lệ **80%** ở nam.



16

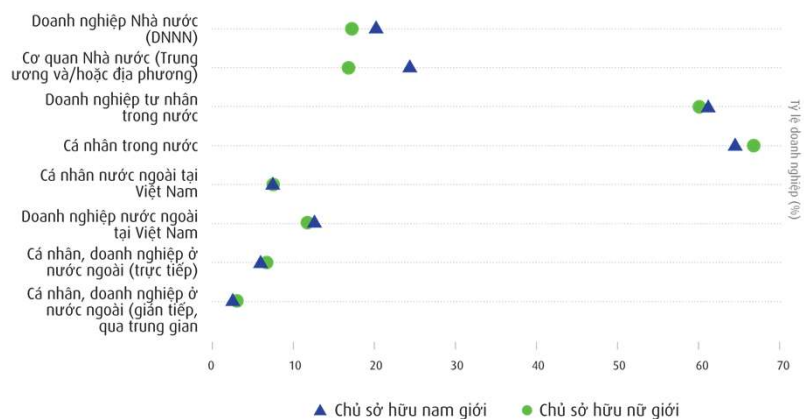
Chủ yếu xuất phát từ hộ kinh doanh

- Chiếm đa số, là **61,3%** doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ từng là hộ kinh doanh.
- Chỉ có **4,6%** là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN địa phương, **0,5%** doanh nghiệp được cổ phần hoá từ DNNN trung ương.
- Các loại hình khác (doanh nghiệp có cổ phần/vốn góp của Nhà nước, doanh nghiệp có niêm yết trên sàn chứng khoán) chiếm tỷ lệ rất nhỏ.

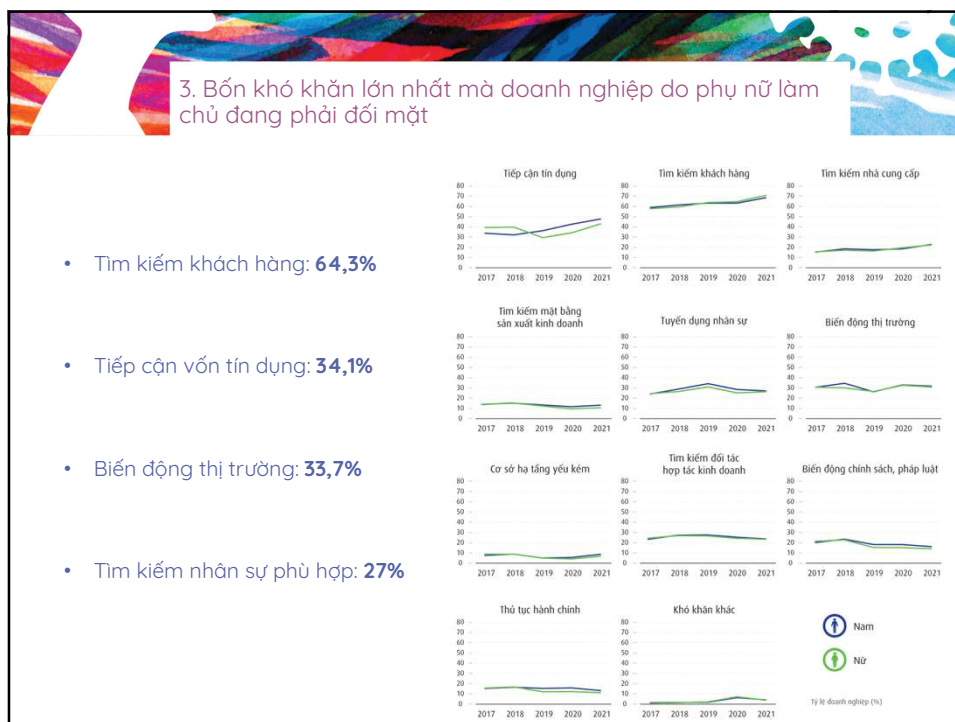


17

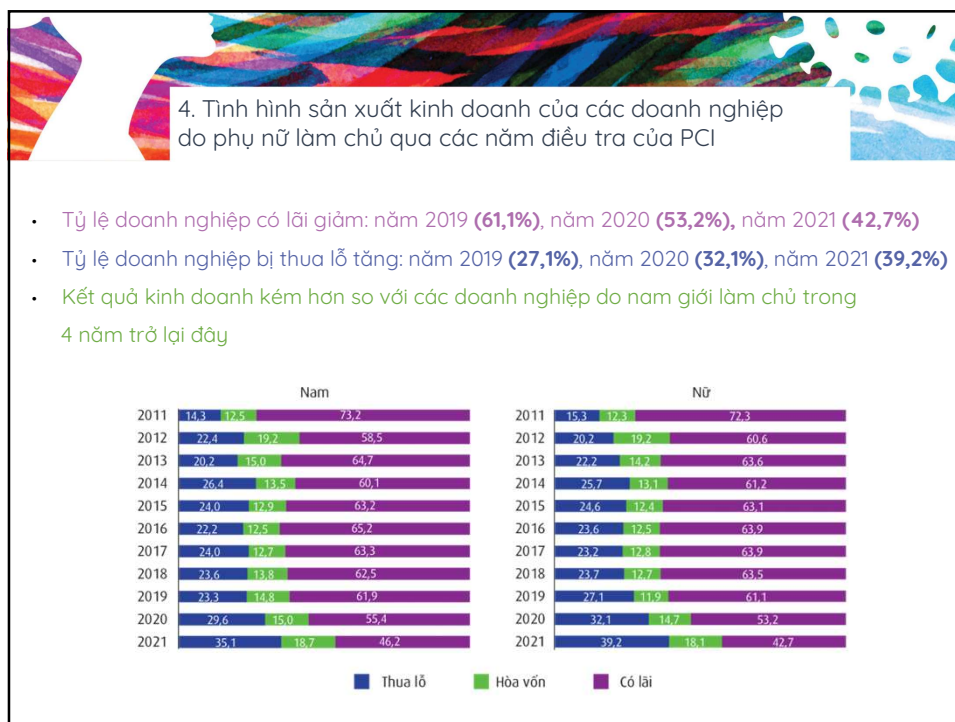
Khách hàng chính là thị trường trong nước



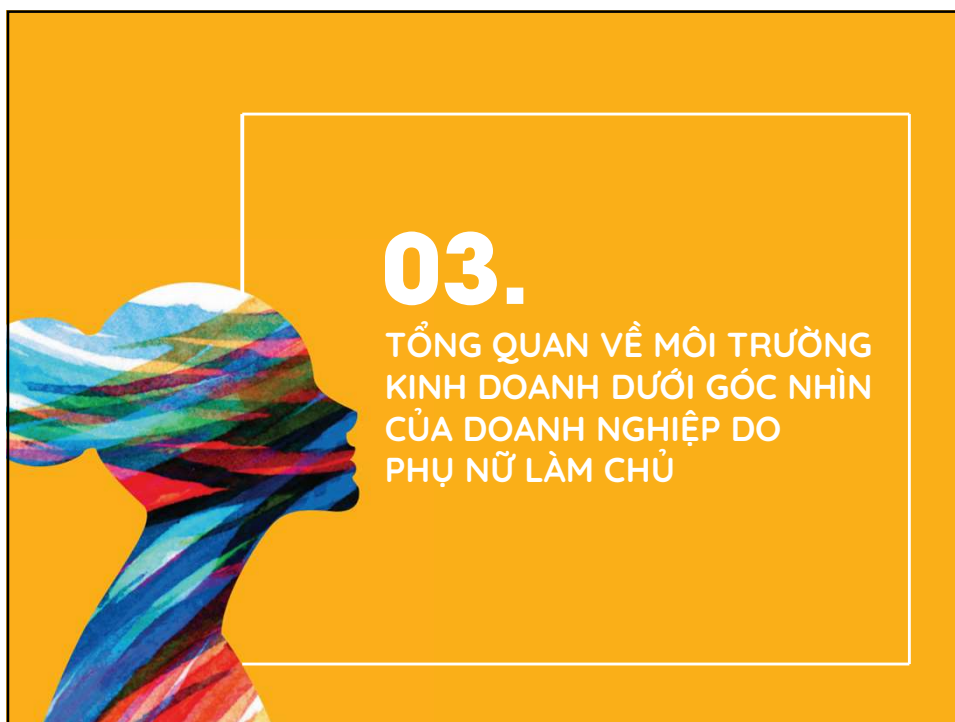
18



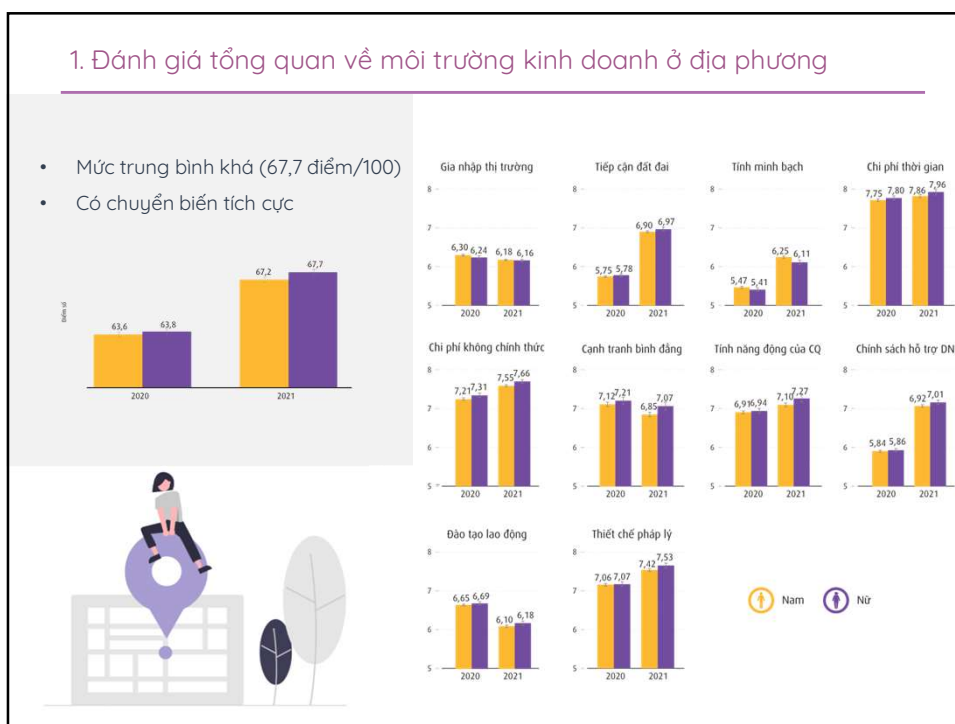
19



20



21

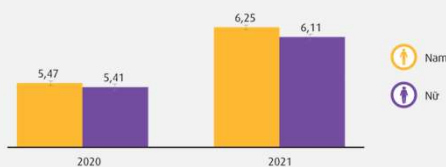


22

2. Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện

2.1 Tính minh bạch của môi trường kinh doanh

- Khả năng tiếp cận các thông tin, tài liệu của các cơ quan nhà nước trong tỉnh
- Cần có mối quan hệ với cơ quan nhà nước để tiếp cận các thông tin, tài liệu
- Thông tin và tính hữu ích của thông tin trên website của chính quyền tỉnh, thành phố
- Mức độ doanh nghiệp có thể dự đoán được những thay đổi chính sách pháp luật mà có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh
- Chủ trương, chính sách của tỉnh, thành phố đối với việc tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động có ổn định và nhất quán?
- Vai trò của các HHDN doanh nghiệp địa phương trong việc phản ánh ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp tới chính quyền tỉnh để tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi hơn

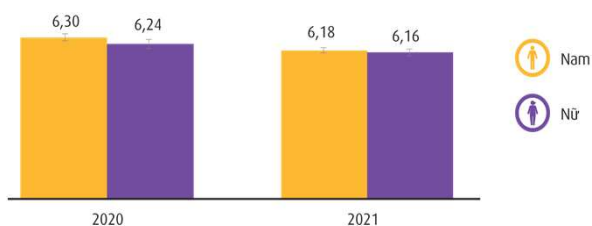


23

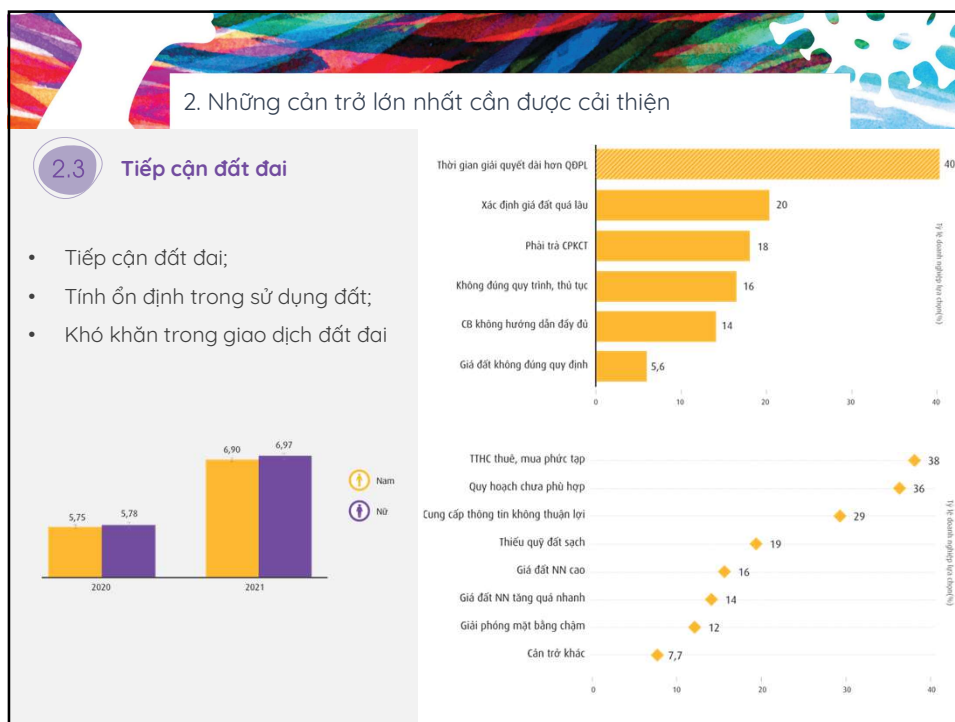
2. Những cản trở lớn nhất cần được cải thiện

2.2 Gia nhập thị trường

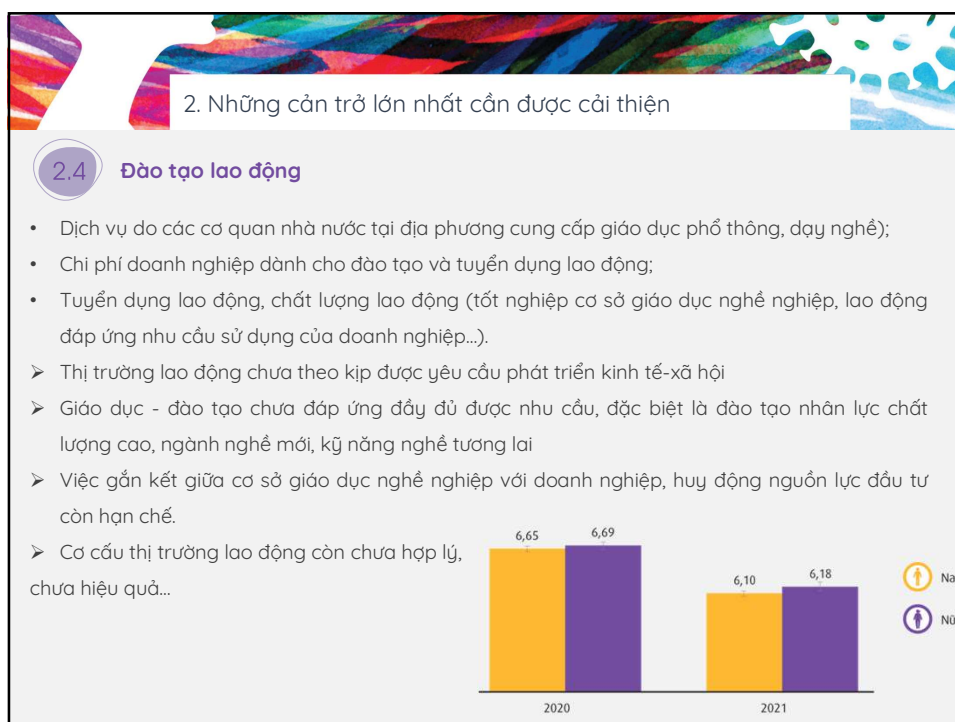
- Thủ tục đăng ký doanh nghiệp;
 - Thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện;
 - Gánh nặng chi phí Gia nhập thị trường chung.
- Thủ tục thành lập doanh nghiệp, khởi sự kinh doanh dù đã có nhiều cải thiện nhưng vẫn còn chưa thực sự thuận lợi, còn tồn kém về thời gian và chi phí.



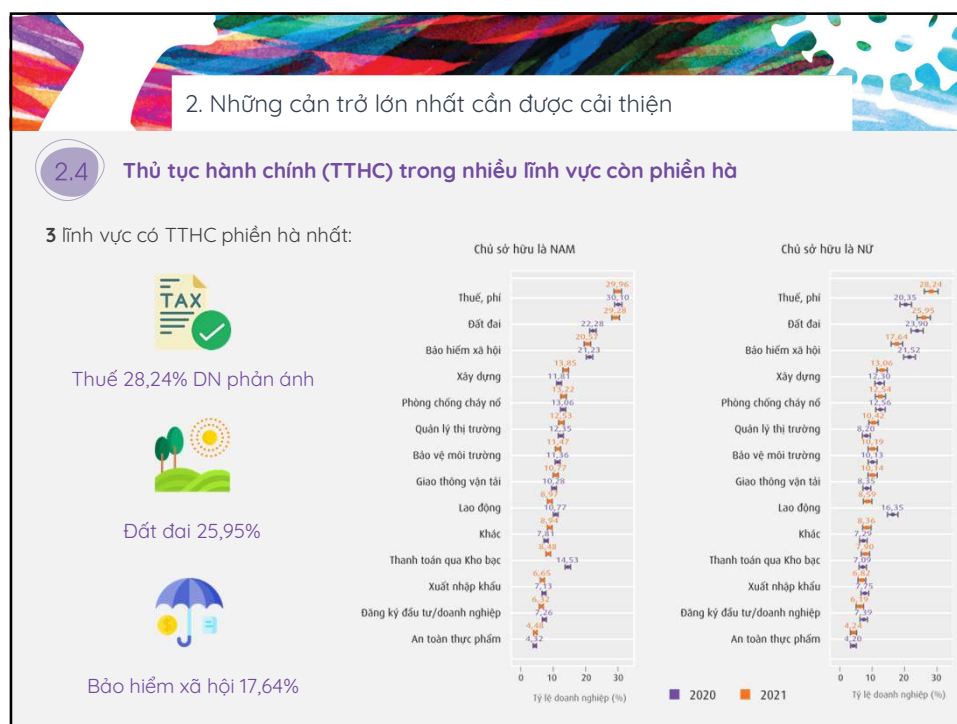
24



25



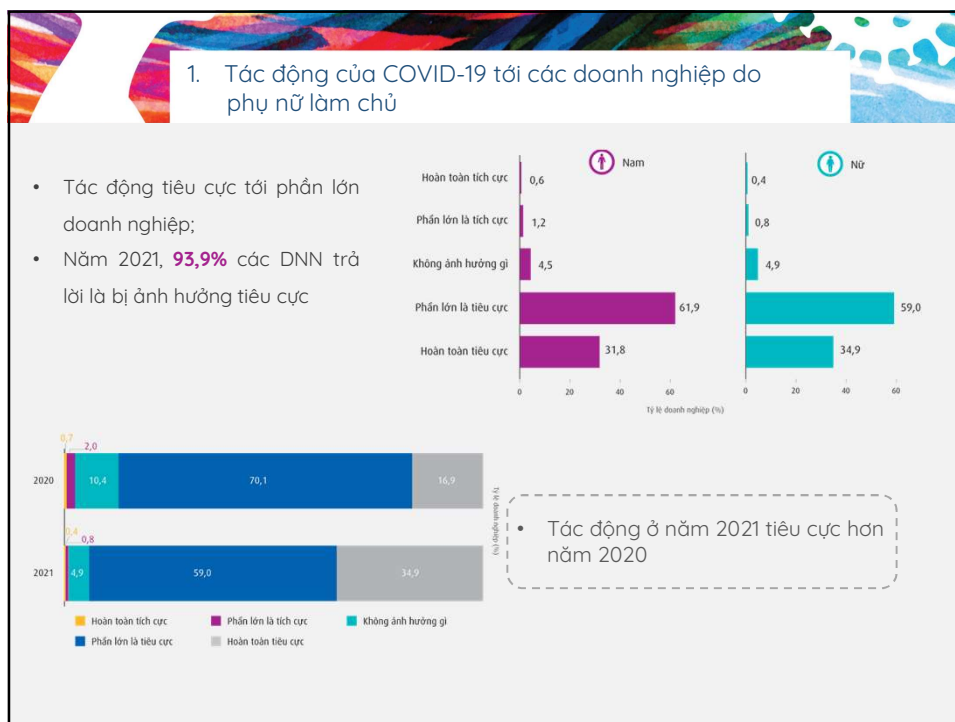
26



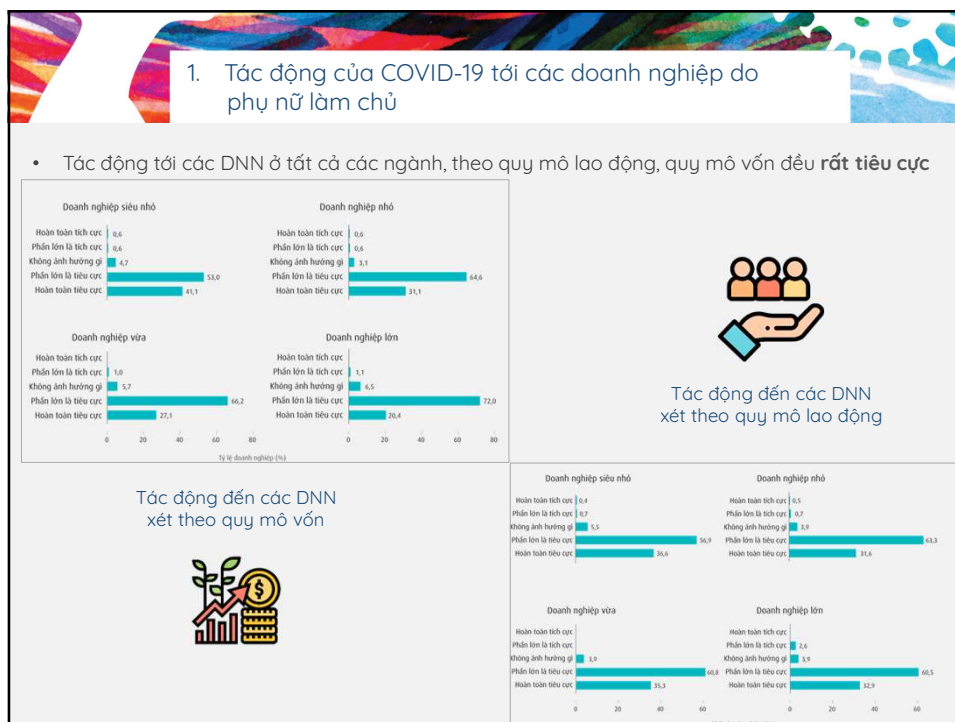
27



28

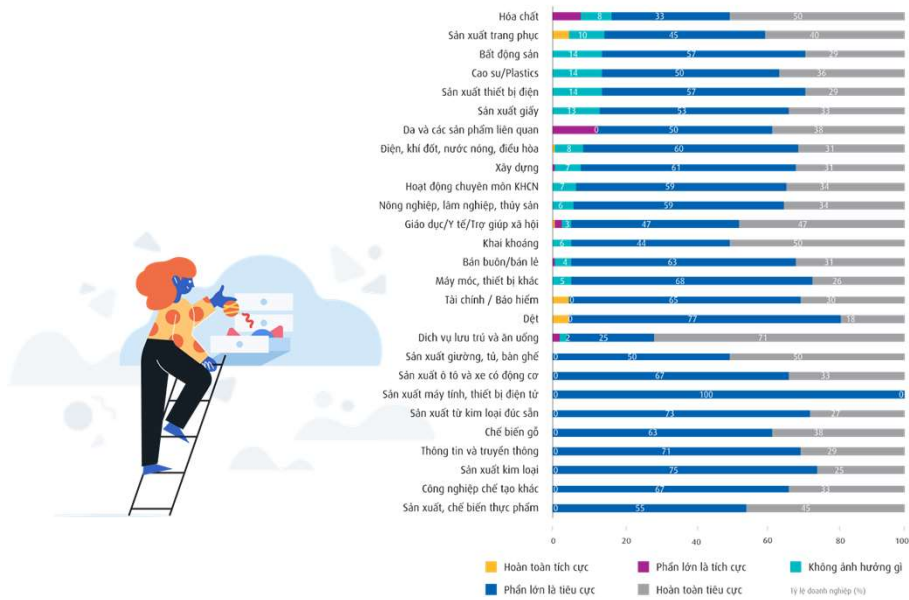


29



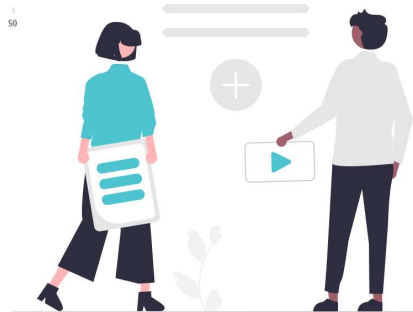
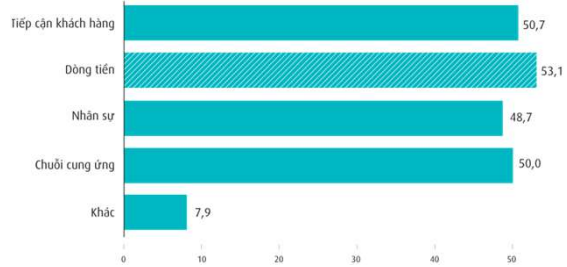
30

Tác động tới các DNN ở tất cả các ngành đều tiêu cực



31

2. Các khó khăn chính gây ra bởi đại dịch COVID-19 đối với doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ



32

3. Tác động của COVID-19 lên doanh thu của doanh nghiệp

- Doanh thu sụt giảm (so sánh 2020 và 2019)
- Tỷ lệ DNN bị giảm doanh thu cao hơn tỷ lệ doanh nghiệp do nam giới làm chủ bị giảm doanh thu
- Mức giảm doanh thu của các DNN cao hơn

Tác động của COVID-19 tới doanh thu năm 2020 so với năm 2019 của các doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp

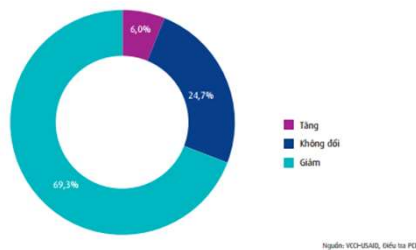


33

3. Tác động đến doanh thu của doanh nghiệp

- Ước tính doanh thu dự kiến 2021 **giảm** so với năm 2020
- Một tỷ lệ rất nhỏ (**6%**) là có doanh thu tăng

Ước tính doanh thu dự kiến của các doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ năm 2021 so với năm 2020 do ảnh hưởng của COVID-19



34

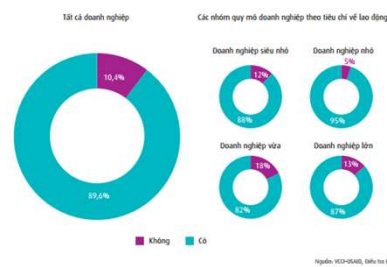
4. Tác động của COVID-19 lên lao động trong doanh nghiệp

- Một tỷ lệ rất lớn (xấp xỉ **90%**) các doanh nghiệp phải cho người lao động nghỉ việc
- Tỷ lệ này ở các DNN chủ thấp hơn doanh nghiệp do nam giới làm chủ (**89,6%** so với **91,1%**)

Tỷ lệ doanh nghiệp phải cho người lao động thời việc trong năm 2021 theo giới của chủ doanh nghiệp



Tỷ lệ doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phải cho người lao động thời việc do ảnh hưởng của COVID-19



35

5. Triển vọng trong kinh doanh của DNN

Kế hoạch kinh doanh trong 2 năm tới của doanh nghiệp theo giới của chủ doanh nghiệp



Mức độ lạc quan sụt giảm

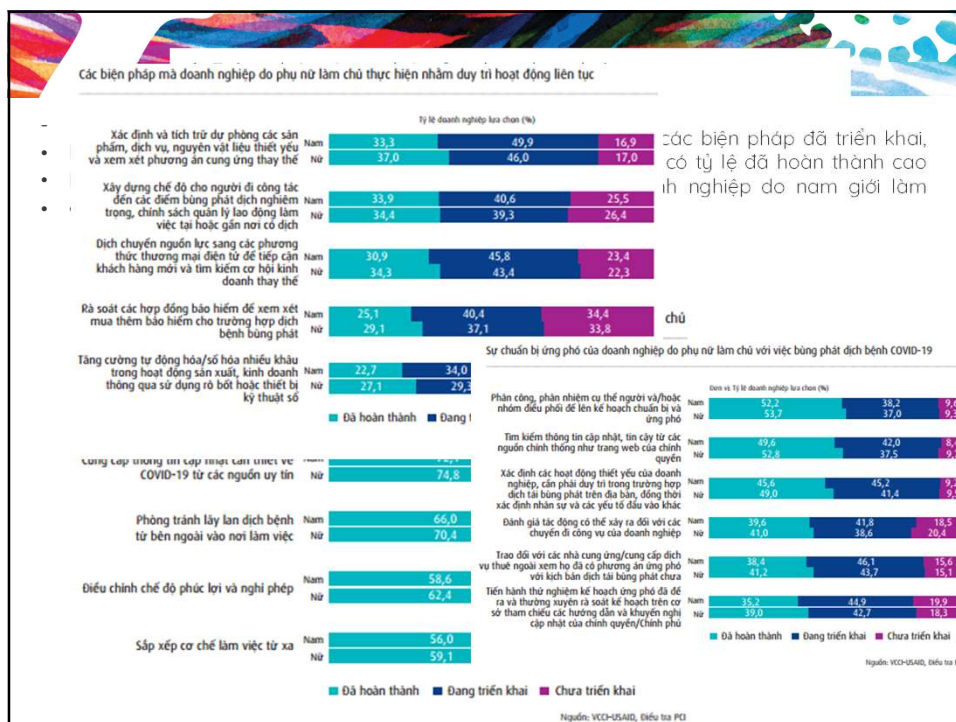
- 16,9% doanh nghiệp có kế hoạch giảm quy mô kinh doanh hoặc đóng cửa, tỷ lệ cao nhất trong 10 năm trở lại đây.
- Khoảng hơn một nửa (52,5%) muốn giữ nguyên, cố gắng duy trì kinh doanh với quy mô hiện tại

Số lượng doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ thành lập mới và giải thể năm 2021 và 9 tháng đầu năm 2022

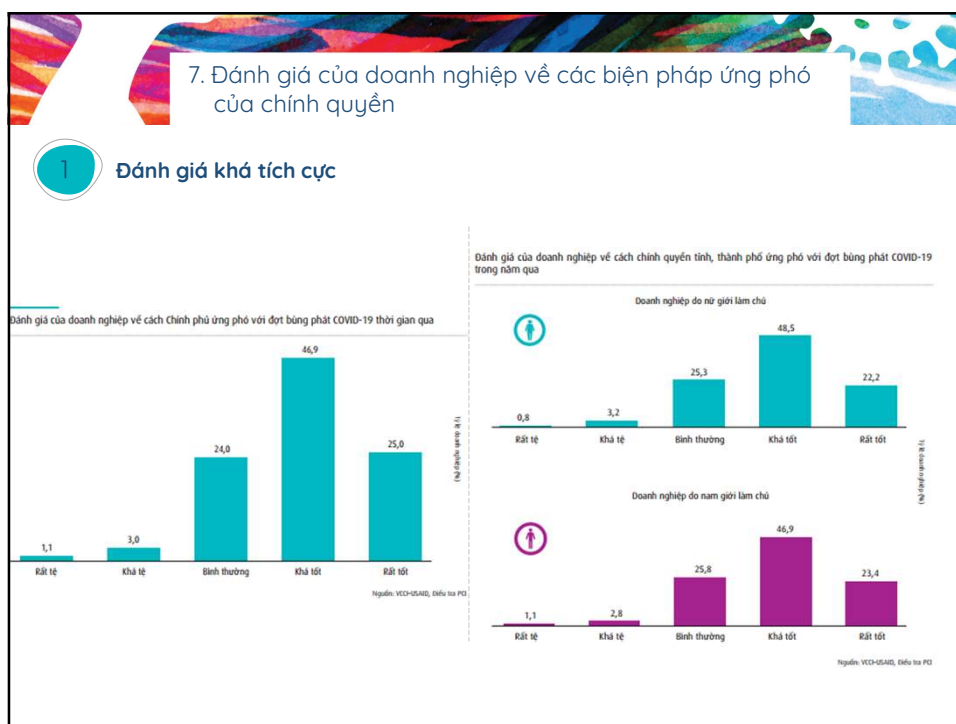
STT	Loại hình	Năm 2021	9 tháng năm 2022
1	Thành lập mới	34.681	36.009
2	Giải thể	5.706	4.742

Nguồn: Cục Quản lý đăng ký kinh doanh - Bộ Kế hoạch và Tài chính

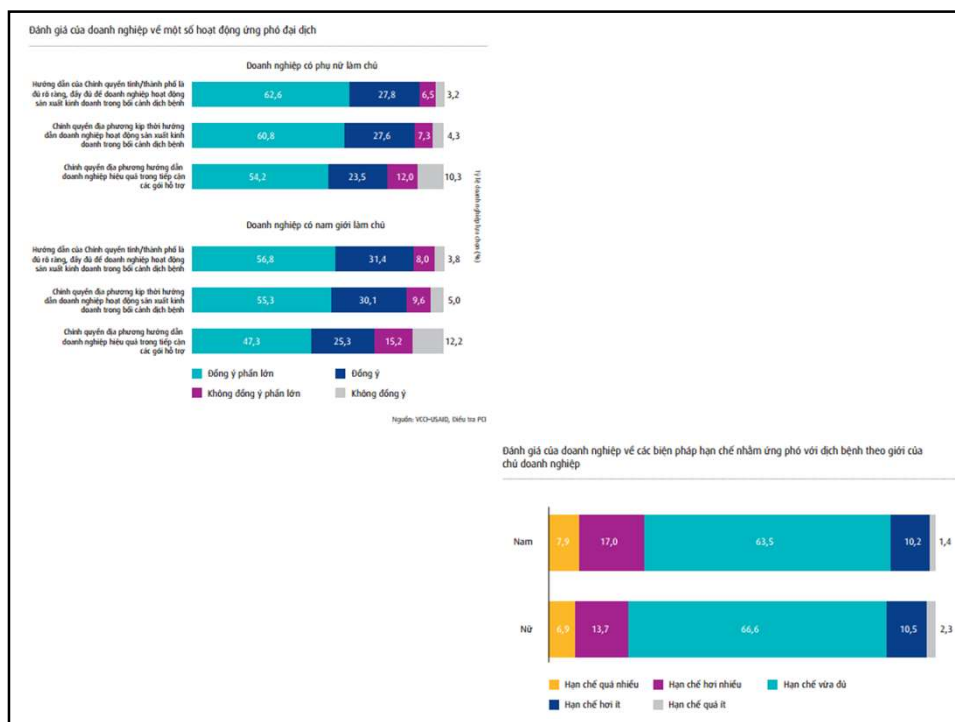
36



37



38



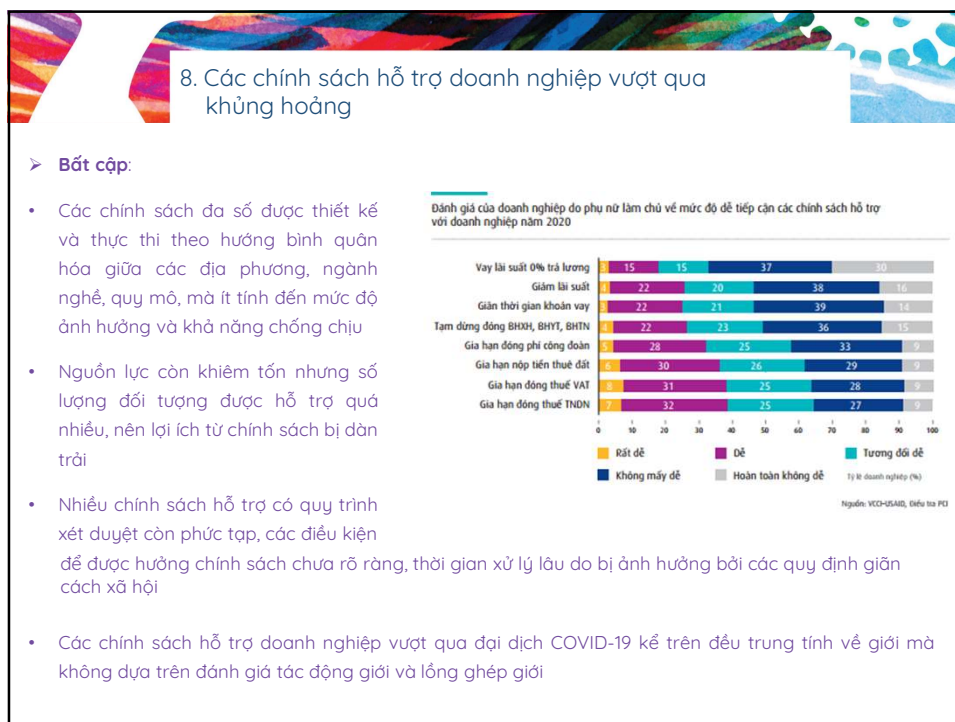
39

8. Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khủng hoảng

Nhà nước đã ban hành nhiều nhóm chính sách:

- mang tính cấp bách, căn cơ để kiểm soát dịch bệnh
- miễn giảm các loại thuế, phí, lệ phí và áp lực tài chính nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tổ chức chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh
- tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ổn định sản xuất - kinh doanh, phục hồi và tạo đà phát triển, nhất là những lĩnh vực chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19
- thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư quan trọng quốc gia
- tiền tệ mở rộng, bảo đảm thanh khoản trên thị trường tiền tệ, giảm lãi suất cho vay, ổn định lãi suất điều hành ở mức thấp
- an sinh xã hội

40



41



42



➤ **Về thể chế:**

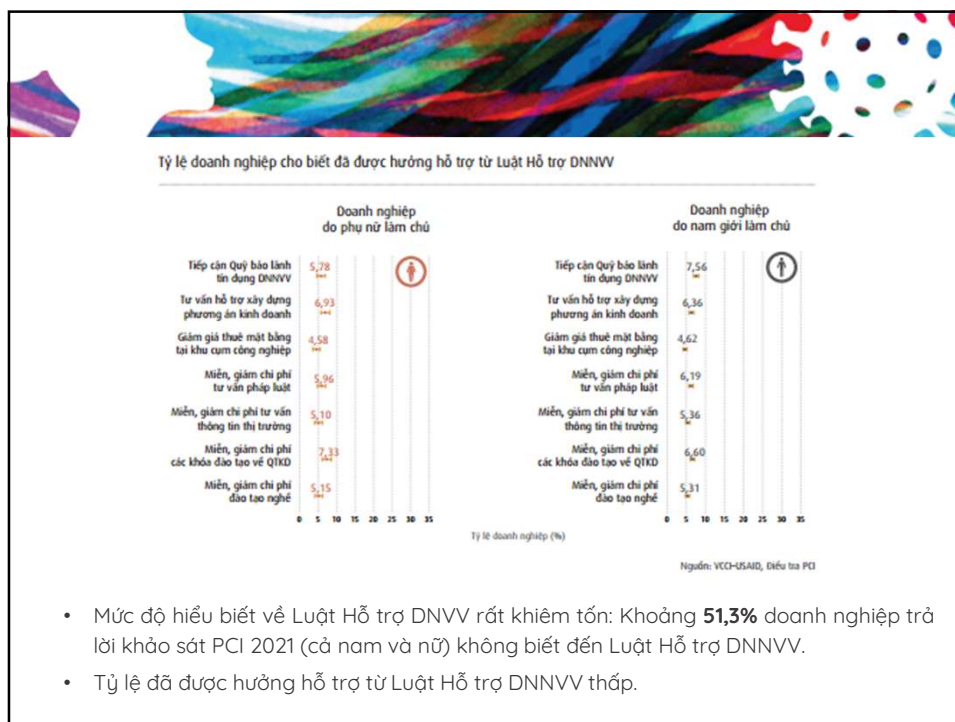
- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017
- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV
- Nghị định 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV Nghị định 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 (có hiệu lực từ 15/10/2021) thay thế Nghị định số 39/2018/NĐ-CP
- Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV
- Thông tư 49/2019/TT-BTC ngày 18/8/2019 hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho DNNVV
- Và một số văn bản khác

43

➤ **Việc hỗ trợ DNNVV ở địa phương còn bất cập**

- Ban hành các văn bản pháp lý, đề án, chương trình triển khai Luật còn chậm
- Mới có 10 địa phương đã xây dựng và ban hành Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Đề án hỗ trợ dành riêng cho DNNVV do phụ nữ làm chủ trên địa bàn
- Đề án/Chương trình phát triển doanh nghiệp địa phương không đề cập đến những mục tiêu riêng cho DNN, một số địa phương có nhắc đến nhưng chỉ nhắc lại nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ DNN trong Luật Hỗ trợ DNNVV, không đề ra giải pháp cụ thể.
- Một số chính sách hỗ trợ DNNVV gặp khó khăn trong triển khai thực hiện
- Nguồn lực hỗ trợ DNNVV còn hạn chế và hạn chế về tổ chức thực hiện
- DNNVV có hạn chế về năng lực, chưa có sự hợp tác chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, hiệp hội để được hỗ trợ; chưa chủ động nắm bắt thông tin; doanh nghiệp thiếu nguồn lực để tham gia đối ứng với kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước...
- Nghị định số 39/2018/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật vẫn còn một số vướng mắc, có một số chính sách chưa đủ cụ thể để các địa phương có thể triển khai thực hiện được ngay trong thực tế
- Quy định về hỗ trợ doanh nghiệp còn được quy định ở một số văn bản khác nên có sự chồng chéo, lúng túng khi áp dụng

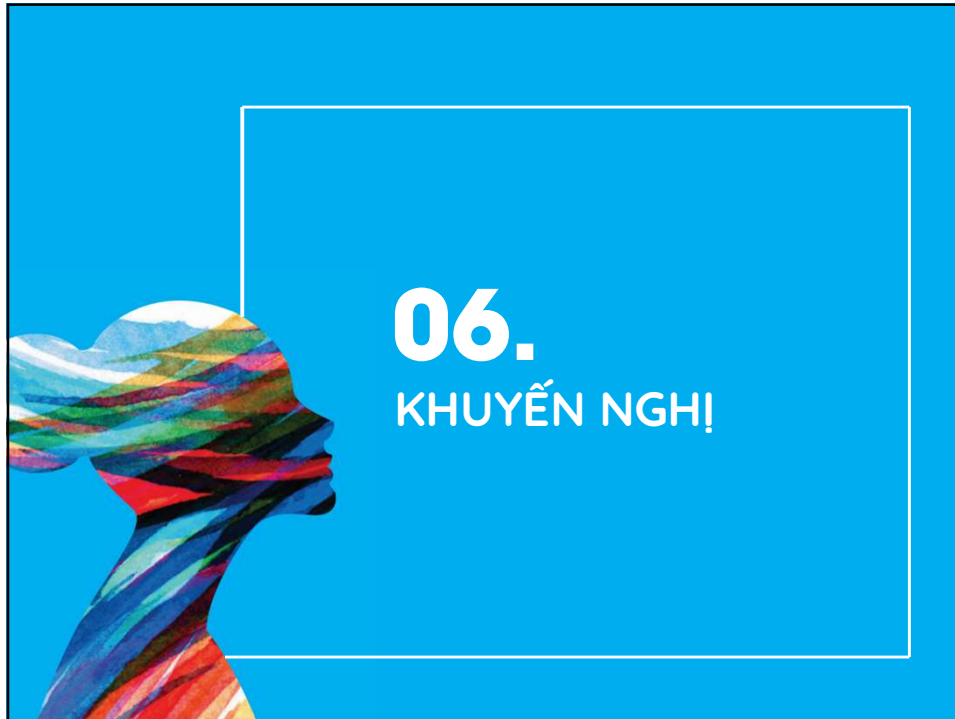
44



45

- Thiếu số liệu thống kê phân tách giới:** Hiện nay không có số liệu thống kê chính thức nào từ các cơ quan nhà nước về doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ và hiện trạng của khối doanh nghiệp này, thiếu cơ sở để đưa ra các chính sách phù hợp trên cơ sở bằng chứng
- Không có dữ liệu cụ thể về giới làm cho nhiều bất bình đẳng giới trở nên khó nhận biết
- Thông tư 10/2019/TT-BKHĐT quy định về Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển giới của quốc gia (30/9/2019): tỷ lệ nữ giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã trên tổng số giám đốc/chủ doanh nghiệp, hợp tác xã. Kỳ công bố: 05 năm là quá dài.

46



47

1. Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi trong trạng thái bình thường mới

- Địa phương ưu tiên cho doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ trong chương trình hỗ trợ doanh nghiệp ở tất cả các địa phương, hỗ trợ tiếp cận nguồn tín dụng
- Địa phương cải thiện việc triển khai các biện pháp hỗ trợ do Chính phủ cung cấp để hỗ trợ các doanh nghiệp trong cuộc khủng hoảng COVID-19, đặc biệt là minh bạch thông tin và quy trình thủ tục áp dụng.
- Chính phủ cần xác định các mục tiêu phù hợp với từng thời kỳ để xây dựng gói hỗ trợ tài khóa với quy mô đủ lớn nhằm đáp ứng các tiêu chí kịp thời, đúng đối tượng, đủ dài, đủ bao trùm để mang lại hiệu quả như kỳ vọng
- Chính phủ xem xét các chính sách hỗ trợ tài khóa cụ thể đã được triển khai cần được xem xét mở rộng đối tượng thụ hưởng, mức độ hỗ trợ, thời gian hỗ trợ. Cần tập trung cải thiện hiệu quả của công tác tuyên truyền và thực thi đối với các gói chính sách hỗ trợ đã ban hành
- Chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan cùng thúc đẩy chuyển đổi số
- Chính quyền các cấp thúc đẩy, hiệp hội kết nối và các doanh nghiệp chủ động tăng cường chuỗi cung ứng nội địa, tìm kiếm cơ hội phát triển thị trường trong nước
- Cơ quan nhà nước, các hiệp hội doanh nghiệp kịp thời cung cấp thông tin thị trường, doanh nghiệp chủ động hơn trong kiểm soát, giảm thiểu rủi ro của biến động thị trường
- Các hiệp hội, tổ chức đại diện doanh nghiệp chia sẻ thông tin, tăng cường phối hợp với nhau, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp hội viên. Đề xuất với Chính phủ các giải pháp, sáng kiến để hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững

48

2. Hoàn thiện chính sách và pháp luật để thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

- Đánh giá hiệu quả thực thi Luật Hỗ trợ DNNVV, đặc biệt là cách thức tiếp cận thông tin hỗ trợ, cách thức hỗ trợ, nhận được hỗ trợ đối với DNNVV do phụ nữ làm chủ, từ đó sửa đổi, hoàn thiện Luật này
- Đề nghị Chính phủ xem xét đưa vấn đề tạo thuận lợi và thúc đẩy doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ phát triển vào trong Nghị quyết của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia để thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực kinh tế, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững
- Đối với các chính sách và quy định khác, cần cẩn trọng trong đánh giá tác động về giới, lồng ghép giới trong chính sách



49

“Doanh nghiệp chưa mặn mà vì chính sách của mình chưa hấp dẫn. **Chính sách cần phải thay đổi** rất nhiều để khích lệ cộng đồng doanh nhân.”

Bà **Thái Hương**,
Chủ tịch Hội đồng Chiến lược Tập đoàn TH

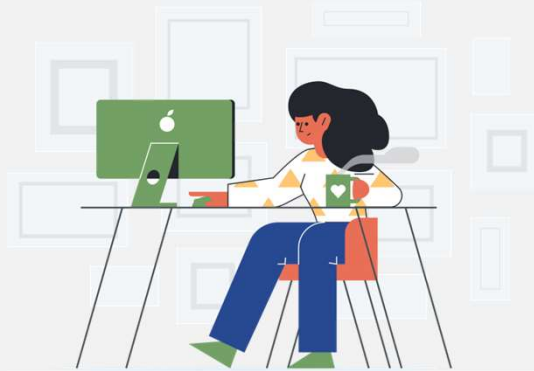


<https://news.zing.vn/ba-thai-huong-nguoi-ta-bao-toi-chem-gio-sua-ba-sach-thi-ai-ban-post818964.html>

50

3. Nâng cao hiệu quả thực thi các hỗ trợ DNNVV hiện nay

- Ở quy mô địa phương, cần có kế hoạch triển khai cụ thể, có đánh giá độc lập khách quan về mức độ hoàn thành nhiệm vụ
- Nâng cao chất lượng Cổng thông tin hỗ trợ DNNVV quốc gia
- Tăng cường liên kết giữa các doanh nhân nữ, các câu lạc bộ/hiệp hội doanh nghiệp, các tổ chức tài chính để hỗ trợ doanh nghiệp



51

4. Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải thiện ở những khía cạnh bất cập nhất

➤ Cải cách TTHC, giảm gánh nặng chi phí tuân thủ

- Cải thiện chất lượng đối với TTHC, rà soát, cắt giảm TTHC, đơn giản hóa TTHC, tối ưu hóa quy trình thực hiện TTHC, giảm những nhiễu, phiền hà, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa phương thức quản lý
- hoàn thành đúng thời hạn xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông
- Cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm khó khăn cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề

➤ Cải thiện điều kiện gia nhập thị trường

- Cải cách, thúc đẩy điện tử hóa, tiếp tục đơn giản hóa thủ tục gia nhập thị trường và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.
- Rà soát để loại bỏ các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển của doanh nghiệp
- Sửa đổi hồ sơ, quy trình thủ tục cấp giấy phép để giảm bớt gánh nặng cho cả doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.

52

4. Cải thiện môi trường kinh doanh, đẩy mạnh cải thiện ở những khía cạnh bất cập nhất

➤ Tăng cường công khai, minh bạch

- Các cơ quan địa phương tăng cường trách nhiệm cung cấp thông tin, công khai minh bạch thông tin, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi tiếp cận thông tin, chủ động thông tin cho doanh nghiệp khi có bất kỳ thông tin thay đổi nào đến các quy định, chính sách của cấp tỉnh (qua con đường điện tử/ website).
- Các hiệp hội đại diện cho doanh nghiệp cần chủ động hơn và cơ quan nhà nước cần huy động các hiệp hội tham gia ý kiến trong quá trình hoạch định chính sách để nâng cao chất lượng của các quy định, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

➤ Nâng cao chất lượng đào tạo lao động để giúp doanh nghiệp tìm được nhân sự phù hợp

- Nghiên cứu xây dựng các chương trình chính sách đào tạo phù hợp, nâng cao chất lượng nguồn lao động
- Cải thiện các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đào tạo lao động; đào tạo nghề theo địa chỉ, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm; theo nhu cầu của các doanh nghiệp và việc thực hiện đào tạo nghề nghiệp trong phân luồng học sinh để thu hút được nguồn lao động trẻ. Bảo đảm các cơ sở định hướng và giáo dục nghề nghiệp không cứng cố khuôn mẫu và định kiến giới trong định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh.
- Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động ở các cấp

53

5. Chính phủ xem xét xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ

➤ Mục tiêu:

- Cải thiện môi trường, cơ hội và điều kiện để doanh nhân nữ phát triển, thu hút tất cả các bên liên quan tham gia vào quá trình thực thi Chiến lược
- Tăng tỷ lệ phụ nữ làm chủ doanh nghiệp
- Tăng tỷ lệ lao động nữ tương xứng với quy mô lực lượng lao động

➤ Thực hiện các biện pháp hỗ trợ ở cấp địa phương và quốc gia nhằm khuyến khích và thúc đẩy phụ nữ khởi nghiệp, bao gồm:

- Đảm bảo hỗ trợ một cách có hệ thống để phát triển doanh nghiệp do phụ nữ làm chủ
- Tạo lập hạ tầng hỗ trợ và thúc đẩy doanh nhân nữ phát triển
- Tạo lập môi trường thuận lợi cho sự phát triển của doanh nhân nữ
- Xúc tiến, xây dựng mạng lưới và góp ý xây dựng chính sách và pháp luật



54



*Cuối cùng,
xin chúc các nữ doanh nhân
thành công hơn nữa và tiếp
lục là những người lãnh đạo
truyền cảm hứng!*

55



BÁO CÁO **KIỆN CƯỜNG
VƯỢT SÓNG**

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CÁC DOANH NGHIỆP
DO PHỤ NỮ LÂM CHỦ DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19
BRAVING THE WAVES: SURVEY RESULT ON COVID-19 IMPACTS
ON WOMEN-LED ENTERPRISES

Trân trọng cảm ơn!

Ban Pháp chế - VCCI
SDT: 024.6683.6545 / 024.3577.0632,
Email: xdphapluat@vcci.com.vn

56